

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/04/2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Soroles và ông Huỳnh Thanh Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký **Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu**, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-HN ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1989; nơi thường trú: **ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang**; nơi cư trú: **tổ A, khóm C, Phường V, thành phố C, tỉnh An Giang** (có mặt).

*Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Âm E**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **Số A, tổ D, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang** (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thanh T** trình bày: Năm 2009, chị **T** và anh **Âm E** do mai mối được gia đình hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang** theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 27/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **T** và anh **Âm E** sinh sống cùng gia đình anh **Âm E** tại **ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang**. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, thường hay cãi nhau, vợ chồng sống phụ thuộc vào gia đình anh **Ám E**. Đồng thời, vợ chồng chị **T** và anh **Ám E** đã sống xa nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **Ám E**.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị **T** và anh **Ám E** có 02 (hai) con chung tên **Phạm Ngọc An N**, sinh ngày 08/9/2010 và **Phạm Ngọc Tâm K**, sinh ngày 25/5/2012. Hiện các con chung đang sống với anh **Ám E** và gia đình. Sau khi ly hôn chị **T** đồng ý giao hai con cho ông **Ám E** nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình tố tụng bị đơn **Phạm Văn Á** Em trình bày: Năm 2009, anh **Ám E** và chị **T** do mai mối được gia đình hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, thị xã **T**, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 27/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **T** và anh **Ám E** sinh sống cùng gia đình anh **Ám E** tại ấp **T**, xã **T**, thị xã **T**, tỉnh **An Giang**. Quá trình chung sống vợ chồng có hay cãi nhau là do anh **Ám E** nóng giận nhưng anh **Ám E** không có đánh chị **T**, về kinh tế vợ chồng sống là do gia đình anh **Á** Em lo. Do còn thương yêu vợ, nên anh **Ám E** mong muốn hàn gắn tình cảm với bà **T**, để gia đình đoàn tụ nuôi dạy các con.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị **T** và anh **Ám E** có 02 (hai) con chung tên **Phạm Ngọc An N**, sinh ngày 08/9/2010 và **Phạm Ngọc Tâm K**, sinh ngày 25/5/2012. Hiện các con chung đang sống chung với anh **Ám E** và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **Ám E** cùng khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Cháu **Phạm Ngọc An N** và cháu **Phạm Ngọc Tâm K** trình bày nguyện vọng như sau: Cháu **Phạm Ngọc An N** và cháu **Phạm Ngọc T1** Khiết là con ruột của ông **Phạm Văn Ám E** và bà **Nguyễn Thị Thanh T**, hiện các cháu đang sống với cha (là ông **Ám E**) và ông nội. Nếu cha mẹ được Tòa án giải quyết ly hôn thì cháu **An N** và cháu **Tâm K** có nguyện vọng sống với cha **Phạm Văn Á** Em và ông nội.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình tại Hội liên hiệp phụ nữ xã **T**, thị xã **T**, tỉnh **An Giang**, cụ thể như sau: Trong thời gian chung sống chị **T** và anh **Ám E** có 02 người con chung tên **N** và **K**. Hiện hai cháu đang sống cùng cha và ông nội tại thị xã **T**, tỉnh **An Giang**. Gia đình anh **Ám E** nuôi dạy các cháu tốt. Về mâu thuẫn vợ chồng của anh **Ám E** và chị **T** do bất đồng quan điểm sống về kinh tế nên vợ chồng có cãi vã nhau. Hiện nay, chị **T** về nhà cha mẹ ruột ở thành phố **C**, tỉnh **An Giang** sinh sống.

Tại phiên tòa, chị **T** kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh **Á** Em đồng ý giao hai con chung cho anh **Ám E** nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Phạm Văn Á Em.

- Về con chung: Anh Phạm Văn Á Em được nuôi dạy hai con chung tên Phạm Ngọc An N, sinh ngày 08/9/2010 và Phạm Ngọc Tâm K, sinh ngày 25/5/2012. Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Ám E. Anh Ám E có nơi cư trú ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn Á Em được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

\* Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ám E do người thân mai mối, được gia đình hai bên chấp thuận và tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang theo

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 27/5/2010 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị **T** và anh **Ám E** là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị **T** khai, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế, thường hay cãi nhau, vợ chồng sống phụ thuộc vào gia đình anh **Ám E**. Đồng thời, vợ chồng chị **T** và anh **Ám E** đã sống xa nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **Ám E**.

Anh **Ám E** khai, quá trình chung sống vợ chồng có hay cãi nhau là do anh **Ám E** nóng giận nhưng anh **Ám E** không có đánh chị **T**, về kinh tế vợ chồng sống là do gia đình anh **Á** Em lo. Do còn thương yêu vợ, nên anh **Ám E** mong muốn hàn gắn tình cảm với chị **T**.

Xét thấy, hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên và cuộc sống vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tuy nhiên, chị **T** và anh **Ám E** đã sống xa nhau từ 4 năm 2023 cho đến nay và gia đình anh **Á** Em động viên hàn gắn tình cảm gia cho vợ chồng chị **T** và anh **Á** Em đình nhưng không thành. Đồng thời, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh **Ám E** và chị **T** hàn gắn tình cảm, nhưng anh **Ám E** vắng mặt các lần Tòa án triệu tập cho thấy anh **Á** Em chưa thật sự có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị **T**.

Tình trạng vợ chồng chị **T** và anh **Ám E** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị **T** ly hôn với anh **Ám E** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị **T** và anh **Ám E** thống nhất khai, trong thời kỳ hôn nhân, **T** và anh **Ám E** có 02 (hai) con chung tên **Phạm Ngọc An N**, sinh ngày 08/9/2010 và **Phạm Ngọc Tâm K**, sinh ngày 25/5/2012. Hiện các con chung đang sống với chung với anh **Ám E** và gia đình. Sau khi ly hôn, chị **T** đồng ý giao hai con chung cho anh **Ám E** nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung. Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu **N** và cháu **K** có nguyện vọng được sống với cha **Ám E**.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu **N** và cháu **K**, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Xét, giao 02 (hai) con chung tên **An Nhi T** cho **Ám E** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh **Ám E** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị **T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **Ấm E** cùng thống nhất khai, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp. Anh **Ấm E** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T**.

Chị **Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn với anh **Phạm Văn Ấm E**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân xã **T**, thị xã **T**, tỉnh **An Giang** cấp ngày 27 tháng 5 năm 2010 cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn với anh **Phạm Văn Ấm E** không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Anh **Phạm Văn Ấm E** Em được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên **Phạm Ngọc An N**, sinh ngày 08/9/2010 và **Phạm Ngọc Tâm K**, sinh ngày 25/5/2012 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị **Nguyễn Thị Thanh T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Ấm E** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị **T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí:

Chị **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0007593 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Anh Phạm Văn Âm E không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh Âm E là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**